

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ân Quang H, sinh năm 1971; cư trú tại: Tổ 16 phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1990; ĐKKHKT: Tổ 16, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: 433, 925 01 M, G, Slovakia.

Anh Ân Quang H có mặt, chị Vũ Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Ân Quang H trình bày:

Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng ngày 03/4/2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường và có 01 con tên là Ân Hải A, sinh ngày 20/4/2013. Đến năm 2018, anh chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải, cố gắng hàn gắn tình cảm nH tình cảm vợ chồng anh chị không còn như trước. Tháng 9/2019, chị T đi làm việc tại Slovakia, giữa hai vợ chồng tiếp tục có mâu thuẫn nên chị T và anh H càng ít

liên lạc với nhau hơn, chị T cũng chưa về thăm nhà lần nào. Đến nay, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T có 01 con chung tên là Ân Hải A, sinh ngày 20/4/2013, anh H và chị T thỏa thuận giao cháu Ân Hải A cho anh H nuôi đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng, anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là chị Vũ Thị T đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trình bày:

Chị Vũ Thị T thống nhất với lời trình bày của anh Ân Quang H về quá trình kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống mỗi người mỗi nơi nên chị đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ân Quang H. Do chị Vũ Thị T đang làm việc ở xa không có điều kiện tham gia giải quyết việc ly hôn được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án, chị đã ủy quyền cho chị Đặng Thị Tuyết C giao, nhận thay tất cả văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Ân Hải A, sinh ngày 20/4/2013, chị T đồng ý để anh H nuôi con chung đến khi trưởng thành, việc cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T, anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Vũ Thị T và anh Ân Quang H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa anh Ân Quang H có mặt, chị Vũ Thị T vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của chị Vũ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Ân Quang H hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T hiện đang cư trú tại Slovakia. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1

Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh H và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện do anh H và chị T bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Tháng 9/2019, chị T có đi làm việc tại Slovakia, giữa hai vợ chồng tiếp tục có mâu thuẫn nên chị T và anh H càng ít liên lạc với nhau hơn, chị T cũng chưa về thăm nhà lần nào. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn với chị T và được chị T hoàn toàn đồng ý phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Ân Quang H được ly hôn chị Vũ Thị T.

[4] Về con chung: Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T có 01 con chung tên là Ân Hải A, sinh ngày 20/4/2020, anh H và chị T thỏa thuận giao con chung Ân Hải A cho anh H nuôi đến khi đủ 18 tuổi; cháu Ân Hải A cũng có ý kiến đồng ý được ở với bố là anh Ân Quang H. Việc cấp dưỡng anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh H và chị T.

[5] Về tài sản chung: Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Anh Ân Quang H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ân Quang H được ly hôn chị Vũ Thị T

2. Về con chung: Giao con chung tên là Ân Hải A, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2013 cho anh Ân Quang H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Ân Quang H và chị Vũ Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ân Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nH được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008483 ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, anh H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Ân Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường ĐH, quận HA;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà